

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VỀ MÔ ĐUN TIN HỌC VĂN PHÒNG	3
BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ INTERNET.....	4
Giới thiệu:.....	4
1. KHÁI NIỆM VỀ INTERNET	4
2. SỬ DỤNG INTERNET	6
3. TÌM HIỂU VỀ INTERNET	11
4. CÁC DỊCH VỤ TRÊN INTERNET	13
BÀI 2: DỊCH VỤ WORLD WIDE WEB –TRUY CẬP WEBSITE	20
Giới thiệu:.....	20
1. DỊCH VỤ WORLD WIDE WEB	22
2. CÀI ĐẶT TRÌNH DUYỆT INTERNET EXPLORER	31
3. TRÌNH DUYỆT WEB	39
4. TRUY CẬP WEBSITE	39
5. LƯU TRỮ TRANG WEB HIỆN HÀNH	40
BÀI 3: TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM XỬ LÝ VĂN BẢN.....	55
1. GIỚI THIỆU VỀ WORD 2010	55
2. CÁC THAO TÁC CĂN BẢN TRÊN MỘT TÀI LIỆU	56
3. SOẠN THẢO VĂN BẢN	62
BÀI 4: TRÌNH BÀY VĂN BẢN	68
1. ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	68
2. CHÈN CÁC ĐỐI TƯỢNG VÀO VĂN BẢN.....	79
3. CÁC HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT	85
BÀI 5: XỬ LÝ BẢNG BIỂU	97
1. CHÈN BẢNG BIỂU VÀO VĂN BẢN.....	97
2. CÁC THAO TÁC TRÊN BẢNG BIỂU	97
3. THAY ĐỔI CẤU TRÚC BẢNG BIỂU	100
BÀI 6: BẢO MẬT VÀ IN ẤN	106
1. BẢO MẬT	106
2. IN ẤN.....	106
3. TRỘN VĂN BẢN	108
BÀI 7: TỔNG QUAN VỀ BẢNG TÍNH EXCEL	117

1 GIỚI THIỆU EXCEL.....	117
1.1 EXCEL LÀ GÌ:.....	117
2. CÁC LỆNH CƠ BẢN ĐỐI VỚI BẢNG TÍNH.....	122
3. CÁC THAO TÁC CĂN BẢN TRÊN MỘT BẢNG TÍNH.....	126
LÀM VIỆC VỚI DỮ LIỆU TRONG EXCEL.....	134
BÀI 8: HÀM TRONG EXCEL	151
1 . CÁC KHÁI NIỆM:	151
2. CÁC HÀM CƠ BẢN THƯỜNG DÙNG:	155
BÀI 9: ĐỒ THỊ VÀ IN ẤN	178
1 GIỚI THIỆU ĐỒ THỊ.....	178
2. VẼ ĐỒ THỊ	179
BÀI 10: TỔNG QUAN VỀ POWERPOINT	207
1. GIỚI THIỆU	207
2. LÀM QUEN VỚI PRESENTATION-SLIDE.....	208
BÀI 11: HIỆU ỨNG VÀ TRÌNH DIỄN.....	213
TẠO HIỆU ỨNG CHO ĐỐI TƯỢNG	213
2. TRÌNH DIỄN SLIDE	215

GIỚI THIỆU VỀ MÔ ĐUN TIN HỌC VĂN PHÒNG

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học chung, tin học đại cương và trước các môn học, mô đun đào tạo chuyên môn nghề.
- Tính chất: Là mô đun kỹ thuật cơ sở nghề bắt buộc.

MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

- Sử dụng Internet như là công cụ nhằm phục vụ cho việc học tập của mình;
- Thao tác được các công cụ trong bộ phần mềm Microsoft Office hoặc phần mềm nguồn mở Open Office;
- Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word hoặc phần mềm nguồn mở Open Office Writer) để tạo các tài liệu đạt tiêu chuẩn theo qui định;
- Sử dụng phần mềm bảng tính (Microsoft Excel hoặc bảng tính trong Open Office Calc) để tạo lập, biểu diễn các kiểu dữ liệu: số, chuỗi ký tự, Thời gian, biểu đồ và lập được các bảng tính...
- Sử dụng phần mềm trình diễn (Microsoft PowerPoint hoặc trình diễn trong Open Office Draw) thiết kế các bài báo cáo, chuyên đề một cách chuyên nghiệp.
- Bố trí làm việc khoa học đảm bảo an toàn cho người và phương tiện học tập.

NỘI DUNG MÔ ĐUN

- Tổng quan về Internet
- Dịch vụ World Wide Web – Truy cập Internet
- Tổng quan về phần mềm xử lý văn bản
- Trình bày văn bản
- Xử lý bảng biểu
- Bảo mật và In ấn
- Tổng quan về Excel
- Hàm trong Excel
- Đồ thị và In ấn
- Tổng quan về Powerpoint
- Hiệu ứng và trình diễn

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ INTERNET

Giới thiệu:

Internet có thể định nghĩa là mạng của các mạng máy tính (Network of Networks) sử dụng giao thức TCP/IP. Từ một dự án nghiên cứu, phát triển mạng thông tin máy tính dựa trên công nghệ chuyển mạch gói (packet switching technology) phục vụ nghiên cứu, phát triển của Bộ quốc phòng Mỹ giữa những năm 1960, Internet ngày nay đã trở thành mạng của các mạng thông tin máy tính toàn cầu, được kết nối với nhau trên cơ sở bộ giao thức trao đổi dữ liệu TCP/IP (Transmission Control Protocol/ Internet Protocol), đáp ứng ngày càng phong phú hầu hết các dịch vụ thông tin liên lạc của xã hội, tiến tới trở thành hạ tầng thông tin liên lạc duy nhất của xã hội thông tin tương lai.

1. Khái niệm về Internet

1.1. Những khái niệm cơ bản về mạng máy tính và internet

Việc nối máy tính thành mạng từ lâu đã trở thành một nhu cầu khách quan vì

- Có rất nhiều công việc về bản chất là phân tán hoặc về thông tin, hoặc về xử lý hoặc cả hai đòi hỏi có sự kết hợp truyền thông với xử lý hoặc sử dụng phương tiện từ xa.

- Chia sẻ các tài nguyên trên mạng cho nhiều người sử dụng tại một thời điểm

- (ổ cứng, máy in, ổ CD ROM . . .)

- Nhu cầu liên lạc, trao đổi thông tin nhờ phương tiện máy tính.

- Các ứng dụng phần mềm đòi hỏi tại một thời điểm cần có nhiều người sử dụng, truy cập vào cùng một cơ sở dữ liệu.

*** Định nghĩa mạng máy tính**

Mạng máy tính là tập hợp các máy tính độc lập (autonomous) được kết nối với nhau thông qua các đường truyền vật lý và tuân theo các quy ước truyền thông nào đó.

Khái niệm máy tính độc lập được hiểu là các máy tính không có máy nào có khả năng khởi động hoặc đình chỉ một máy khác.

Các đường truyền vật lý được hiểu là các môi trường truyền tín hiệu vật lý (có thể là hữu tuyến hoặc vô tuyến).

Các quy ước truyền thông chính là cơ sở để các máy tính có thể "nói chuyện" được với nhau và là một yếu tố quan trọng hàng đầu khi nói về công nghệ mạng máy tính.

1.2. Lịch sử mạng máy tính

1969: Đưa vào sử dụng thử nghiệm mạng thông tin máy tính trên cơ sở công nghệ chuyển mạch gói (packet switching technology).

1977: Thử nghiệm thành công việc kết nối ba mạng thông tin máy tính của ba trường đại học lớn ở Mỹ bằng giao thức TCP/IP.

1986: Việc đưa vào sử dụng mạng NFSNET, mạng Backbone Internet tốc độ cao (34Mbit/s - 45 Mbit/s) phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy đã kích thích sự phát triển mạnh mẽ của Internet trong cộng đồng nghiên cứu và giáo dục ở Mỹ và các nước Tây Âu.

1990/1991: Internet được thương mại hoá với sự ra đời của tổ chức khuyến khích phát triển và sử dụng Internet "Xã hội Internet" (Internet Society), bắt đầu thời kỳ phát triển bùng nổ của Internet. Từ đây, Internet đã thực sự trở thành mạng thông tin máy tính của toàn xã hội.

1997: Đã có hơn 100000 mạng thông tin máy tính được kết nối trong Internet toàn cầu với hơn 15 triệu máy chủ và 50 triệu người sử dụng. Người ta dự đoán những con số này sẽ tăng gấp đôi sau mỗi năm.

Thời gian đầu, Internet chỉ cho phép các tổ chức phi lợi nhuận sử dụng bởi vì phần lớn thông tin được cung cấp từ các tổ chức khoa học quốc gia, cơ quan quản trị hàng không và không gian, và bộ quốc phòng Mỹ, với ngân quỹ lấy từ chính phủ. Nhưng khi các hệ thống mạng công ty bắt đầu bùng nổ, người dùng có thể truy cập các Website thương mại - các Website này không sử dụng từ ngân quỹ chính phủ. Vào cuối năm 1992, xuất hiện nhà cung cấp thông tin thương mại đầu tiên - Delphi - cung cấp dịch vụ đầy đủ trên Internet cho khách hàng. Và sau đó, một vài nhà cung cấp khác ra đời.

Ngày nay, không ai kiểm soát toàn bộ Internet mà mỗi nhà quản trị mạng chỉ quản lý phần mạng của tổ chức mình. Tuy nhiên để Internet phát triển theo một chiều hướng thống nhất, W3C có nhiệm vụ theo dõi các chuẩn về Web, phát triển các giao thức truyền thông chung trên Internet. W3C cung cấp các thông tin, các mã tham khảo, các nguyên mẫu (prototype), các ứng dụng cho người dùng và các nhà phát triển, ngày nay W3C có trụ sở đặt tại Mỹ, Châu Âu và Nhật.

Có thể kể đến những yếu tố chính thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Internet mà thực chất là việc mở rộng thực hiện kết nối một cách mềm dẻo và tin cậy các máy tính và các mạng máy tính với nhau trên cơ sở bộ giao thức trao đổi dữ liệu TCP/IP sau đây:

Việc sử dụng bộ giao thức TCP/IP trong hệ điều hành UNIX để thực hiện trao đổi dữ liệu giữa các tiến trình trên một máy và giữa các máy được kết nối trong mạng. UNIX là hệ điều hành được sử dụng rộng rãi từ 1983 trong các trường Đại học và các Viện nghiên cứu ở Mỹ.

Kỹ thuật vi xử lý và các máy tính cá nhân PC (Personal Computer) ra đời vào giữa những năm 1980 và ngày càng được hoàn thiện, nâng cao về công suất tính toán và tiện lợi trong giao diện sử dụng, đã thực sự rút ngắn khoảng cách giữa người sử dụng và các thiết bị tính toán, làm cho máy tính thâm nhập ngày

càng sâu vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và thúc đẩy nhu cầu kết nối máy tính và mạng máy tính.

NFSNET, mạng xương sống Internet ra đời năm 1986 ở Mỹ với tốc độ truy nhập đường trục là 45 Mbit/s, đã nâng cao một bước cơ bản về dải thông và chất lượng truy nhập mạng, đáp ứng được yêu cầu trao đổi thông tin ngày càng cao trong cộng đồng nghiên cứu và giảng dạy.

Việc sử dụng hệ thống tên miền (DNS) đã làm cho việc truy nhập Internet trở nên đơn giản và tiện lợi.

1.3. Mạng máy tính và lợi ích của mạng.

Nhu cầu của việc kết nối mạng máy tính

Việc nối máy tính thành mạng từ lâu đã trở thành một nhu cầu khách quan vì :

- Có rất nhiều công việc về bản chất là phân tán hoặc về thông tin, hoặc về xử lý hoặc cả hai đòi hỏi có sự kết hợp truyền thông với xử lý hoặc sử dụng phương tiện từ xa.

- Chia sẻ các tài nguyên trên mạng cho nhiều người sử dụng tại một thời điểm

(ổ cứng, máy in, ổ CD ROM . . .)

- Nhu cầu liên lạc, trao đổi thông tin nhờ phương tiện máy tính.

- Các ứng dụng phần mềm đòi hỏi tại một thời điểm cần có nhiều người sử dụng, truy cập vào cùng một cơ sở dữ liệu.

2. Sử dụng Internet

2.1. Trao đổi E-mail và tập tin qua mạng Internet

Phương thức gửi và nhận thư

Để nhận thư điện tử, người dùng cần thực hiện các thao tác sau:

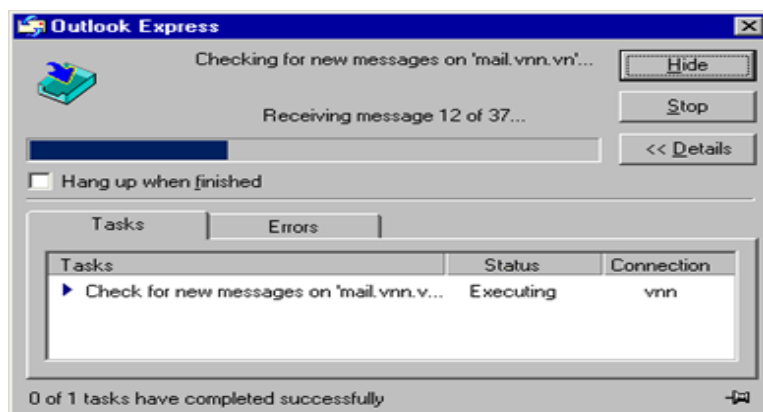
- Khởi động Outlook Express



- Kích chuột vào nút  hoặc vào mục menu Tools\Send and Receive\Send and Receive All.

- Hộp biểu diễn tiến trình sẽ cho người dùng biết được tiến trình gửi và nhận thư.

- Trong khi gửi/nhận, người dùng cũng có thể ngưng công việc này bằng cách bấm nút Stop. Hoặc bấm nút Hang up when finished để hủy kết nối tới hộp thư.



Hộp biểu diễn tiến trình gửi/nhận thư

Lưu ý: Nếu người dùng chưa khai báo mật khẩu truy cập hộp thư trong Account tương ứng thì Outlook Express sẽ yêu cầu người dùng phải nhập vào mật khẩu truy nhập hộp thư để thực hiện việc kết nối tới hộp thư và tải thư từ hộp thư về hay gửi thư đó đi.

Tạo mới một bức thư

Để tạo mới một bức thư, người dùng chỉ kích chuột vào nút  trên thanh Toolbar.

Màn hình **New Message** xuất hiện cho người dùng soạn thảo bức thư để gửi đi.

Một bức thư thông thường được cấu trúc làm 02 phần: phần tiêu đề và phần nội dung thư.

Phần tiêu đề sẽ có một số mục sau:

Địa chỉ người nhận (To): Là địa chỉ của tất cả những người nhận bức thư.

Địa chỉ của người đồng nhận (CC): Về chức năng những địa chỉ thư trong phần **CC** cũng sẽ nhận được thư giống hệt như trong phần **To**. Tuy nhiên vai trò của người nhận thư lại khác nhau.

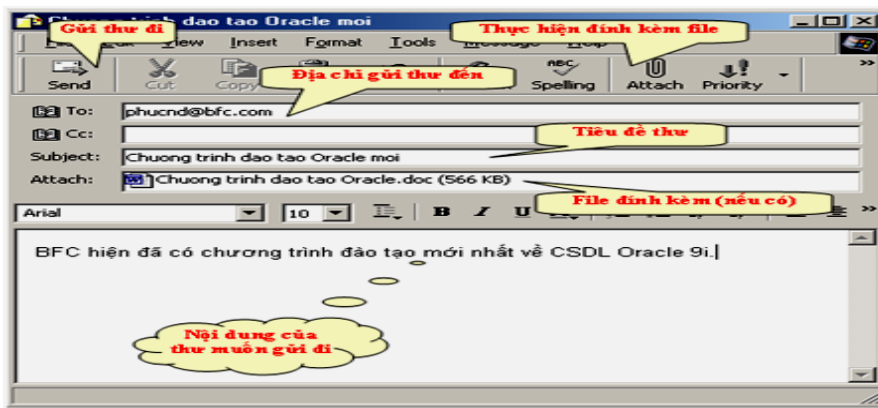
Địa chỉ của người đồng nhận dấu tên (BCC): những địa chỉ trong phần này đều nhận được bức thư gửi tới. Tuy nhiên khác với phần **CC**, trong phần tiêu đề của bức thư được gửi đi sẽ không có địa chỉ của người nhận đó mặc dù người đó vẫn nhận được thư. Phần BCC sẽ xuất hiện khi người dùng Kích chuột vào nút  **To:** hoặc  **Cc:**.

Tiêu đề của bức thư (Subject): Thông thường đó là dòng chữ biểu thị cho toàn bộ nội dung bức thư.

Chú ý: Nếu có nhiều địa chỉ trong phần **To** hay **CC** của bức thư thì các địa chỉ này phải được viết phân cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;).

Phần nội dung thư:

Trong phần này, người dùng có thể tùy ý soạn thảo nội dung bức thư theo ý muốn của mình.



Màn hình New Message để tạo một bức thư

Đính kèm file vào bức thư

Người dùng có thể đính kèm bất kỳ một file dữ liệu nào vào trong nội dung của bức thư. Khi đó toàn bộ file đính sẽ được gửi đi cùng với bức thư tới hộp thư của người nhận. Tại đây người nhận có thể tải về và lưu file đính kèm lên đĩa hay trực tiếp mở file.

Đây là một hình thức truyền tài liệu rất phổ biến thông qua con đường thư điện tử.

Để thực hiện việc đính kèm file, người dùng thực hiện theo các bước sau:

- Kích chuột vào nút có biểu tượng đinh ghim  trên thanh ToolBar hoặc chọn chức năng Insert\File Attachment.
- Hộp thoại Insert Attachment hiện ra cho phép người dùng tìm và chọn tên của file thông tin đính kèm. Bấm nút -Attachment để thực hiện việc đính kèm file.
- Một bức thư có thể có nhiều file đính kèm khác nhau.

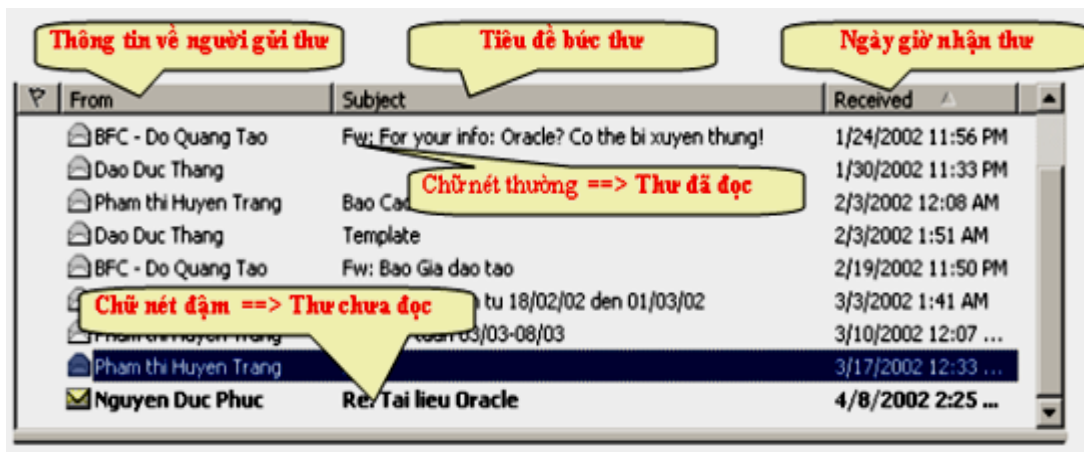
Lưu ý: Không nên đưa quá nhiều file đính kèm vào trong thư vì như vậy thư gửi đi có thể có dung lượng quá lớn. Như vậy sẽ tốn nhiều thời gian để gửi và nhận thư.

Kiểm tra thư và đọc thư

Công việc kiểm tra và đọc thư còn được gọi là Check mail. Sau khi người dùng đã bấm nút **Send/Recv** để thực hiện nhận và chuyển thư. Các thư gửi tới hộp thư của người dùng đều sẽ được tải về máy tính của mình. Thông thường, các thư tải về đều được đặt trong Folder Inbox và Folder này sẽ được thể hiện dưới dạng chữ nét đậm.

Chuyển tới Folder Inbox, các thư trong Folder sẽ được hiện ra trong danh sách phía bên phải. Có một số đặc điểm trong danh sách thư mà người dùng cần biết:

- Tên thư có nét đậm cho biết thư đó chưa được đọc. Ngược lại, tên thư đó sẽ có nét nhạt.
- Các thư có file đính kèm, sẽ có một biểu tượng kẹp giấy nằm phía bên trái.



Danh sách thư có trong Folder

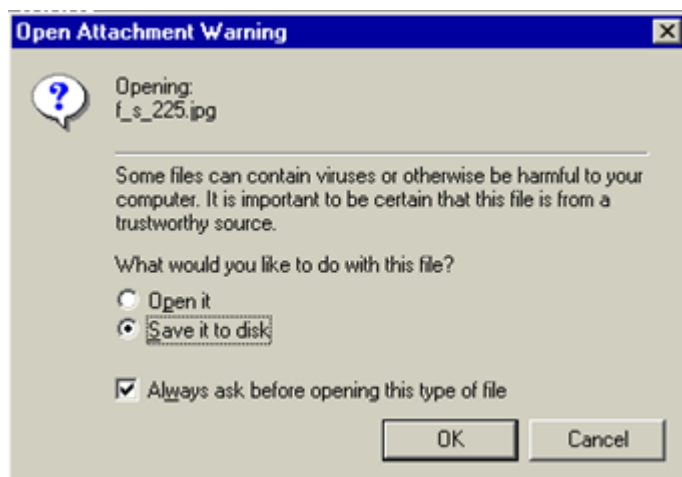
Để đọc thư, người dùng chỉ cần đơn giản chọn thư cần đọc trong danh sách thư phía bên phải. Toàn bộ nội dung của bức thư tương ứng sẽ được hiển thị ở ngay màn hình phía dưới.



Nội dung bức thư

Thư có file đính kèm thì sẽ có một biểu tượng kẹp giấy nằm ngay góc trên phải. Người dùng khi này có thể tải file đính kèm về máy hoặc mở file đính kèm ra xem. Để làm được điều này, người dùng cần:

- Kích chuột vào biểu tượng kẹp giấy.
- Trong hộp thoại **Windows Attachment Warning**, người dùng có thể tiếp tục chọn **Open it** nếu muốn mở file đính kèm luôn, hoặc chọn **Save it to disk** để lưu giữ file này vào máy tính.



Hộp thoại xác nhận mở file đính kèm hay ghi lên đĩa

Trả lời thư

Người dùng có thể trả lời tất cả các bức trong Folder thư. Trong thư trả lời, địa chỉ gửi tới (địa chỉ **To**) sẽ chính là địa chỉ của người đã gửi bức thư đến hộp thư của người dùng trước đó (địa chỉ **From**).

Người dùng có thể chọn chức năng **Reply**  để gửi thư trả lời tới chỉ duy nhất địa chỉ của người đã gửi bức thư (phần **From** của bức thư gửi đến).

Hoặc người dùng cũng có thể chọn chức năng **Reply All**  để gửi thư trả lời tới địa chỉ của cả người đã gửi bức thư (phần **From** của bức thư gửi đến) lẫn địa chỉ của những người khác có nhận được bức thư (phần **CC** của bức thư gửi đến).

Nội dung của thư ban đầu sẽ được thể hiện ngay trong bức thư gửi trả nhưng được đánh dấu ở phía bên trái của mỗi dòng thư.

Trong bức thư trả lời, người dùng cũng có thể đưa vào đó các file đính kèm tương tự như trong phần tạo thư.

Xóa thư

Để xóa một bức thư nào đó, người dùng chỉ cần đơn giản chọn tiêu đề của bức thư cần xóa rồi bấm nút **Delete** trên bàn phím.

Lưu ý: Khi xóa một bức thư, Outlook Express sẽ chuyển thư đó vào trong Folder Delete. Vì vậy để xóa hẳn thư này, người dùng cần phải xóa cả bức thư có trong Folder Delete.

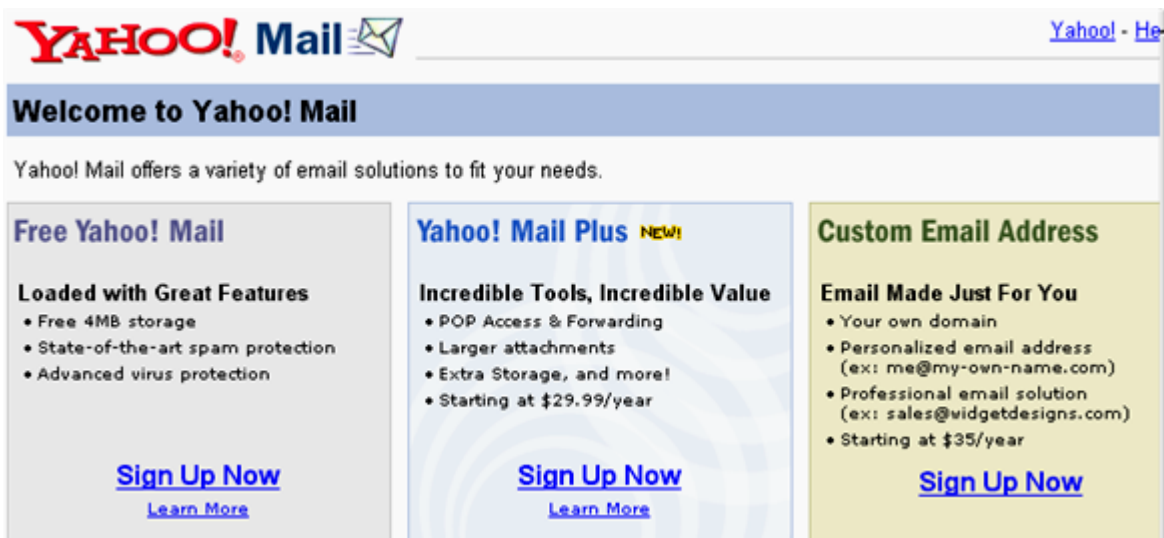
2.2 Tạo hộp thư (địa chỉ)email miễn phí trên Gmail.

Có rất nhiều địa chỉ web ta có thể tạo được một địa chỉ thư miễn phí như Yahoo.com, hotmail.com, vietfun.com,...

Hướng dẫn tạo hòm thư miễn phí trên Yahoo.com

- Gõ địa chỉ **www.yahoo.com**

- Chọn **Email** hoặc **Chekmail**
- Chọn **Sign Up Now**
- Chọn **Sign Up Now** (Tại ô Free Yahoo! Mail)



- **YahooID:** Gõ tên hòm thư cần tạo (*Không dấu, không cách*)
- **Password :** Gõ mật khẩu (*ít nhất 6 ký tự, phải tắt chế độ gõ tiếng Việt*)
- **Retype password:** Gõ lại mật khẩu
- **Sercurity Question:** Chọn câu hỏi tùy chọn (*chọn bất kỳ*)
- **Your answer:** Gõ vào câu trả lời (*ít nhất 4 ký tự*)
- **Birthday:** Gõ ngày tháng năm sinh
- **Gender:** Chọn giới tính
- **First / Last name:** Gõ họ và tên đệm
- **Langgue:** Chọn ngôn ngữ
- **Zip Code:** Gõ mã nước
- **Industry :** Chọn nghề nghiệp (*chọn bất kỳ*)
- **Title :** Chọn chức vụ (*chọn bất kỳ*)
- **Enter the word:** Gõ từ hiển thị ở hộp dưới
- Chọn Submit this form

3. Tìm hiểu về Internet

3.1. Định nghĩa mạng máy tính và mục đích của việc kết nối mạng

*** Định nghĩa mạng máy tính**

Mạng máy tính là tập hợp các máy tính độc lập (autonomous) được kết nối

với nhau thông qua các đường truyền vật lý và tuân theo các quy ước truyền thông nào đó.

Khái niệm máy tính độc lập được hiểu là các máy tính không có máy nào có khả năng khởi động hoặc đình chỉ một máy khác.

Các đường truyền vật lý được hiểu là các môi trường truyền tín hiệu vật lý (có thể là hữu tuyến hoặc vô tuyến).

Các quy ước truyền thông chính là cơ sở để các máy tính có thể "nói chuyện" được với nhau và là một yếu tố quan trọng hàng đầu khi nói về công nghệ mạng máy tính.

*** Nhu cầu của việc kết nối mạng máy tính**

Việc nối máy tính thành mạng từ lâu đã trở thành một nhu cầu khách quan vì :

- Có rất nhiều công việc về bản chất là phân tán hoặc về thông tin, hoặc về xử lý hoặc cả hai đòi hỏi có sự kết hợp truyền thông với xử lý hoặc sử dụng phương tiện từ xa.
- Chia sẻ các tài nguyên trên mạng cho nhiều người sử dụng tại một thời điểm (ổ cứng, máy in, ổ CD ROM . . .)
- Nhu cầu liên lạc, trao đổi thông tin nhờ phương tiện máy tính.
- Các ứng dụng phần mềm đòi hỏi tại một thời điểm cần có nhiều người sử dụng, truy cập vào cùng một cơ sở dữ liệu.

3.2. Đặc trưng kỹ thuật của mạng máy tính:

Một mạng máy tính có các đặc trưng kỹ thuật cơ bản như sau:

*** Đường truyền**

Là thành tố quan trọng của một mạng máy tính, là phương tiện dùng để truyền các tín hiệu điện tử giữa các máy tính. Các tín hiệu điện tử đó chính là các thông tin, dữ liệu được biểu thị dưới dạng các xung nhị phân (ON-OFF), mọi tín hiệu truyền giữa các máy tính với nhau đều thuộc sóng điện từ, tùy theo tần số mà ta có thể dùng các đường truyền vật lý khác nhau

Đặc trưng cơ bản của đường truyền là giải thích nó biểu thị khả năng truyền tải tín hiệu của đường truyền.

Thông thường người ta hay phân loại đường truyền theo hai loại:

- Đường truyền hữu tuyến (các máy tính được nối với nhau bằng các dây cáp mạng).
- Đường truyền vô tuyến: các máy tính truyền tín hiệu với nhau thông qua các sóng vô tuyến với các thiết bị điều chế/giải điều chế ở các đầu nút.

*** Kỹ thuật chuyển mạch:**

Là đặc trưng kỹ thuật chuyển tín hiệu giữa các nút trong mạng, các nút mạng có chức năng hướng thông tin tới đích nào đó trong mạng, hiện tại có các kỹ thuật chuyển mạch như sau:

- Kỹ thuật chuyển mạch kênh: Khi có hai thực thể cần truyền thông với nhau thì giữa chúng sẽ thiết lập một kênh cố định và duy trì kết nối đó cho tới khi hai bên ngắt liên lạc. Các dữ liệu chỉ truyền đi theo con đường cố định đó.
- Kỹ thuật chuyển mạch thông báo: thông báo là một đơn vị dữ liệu của

người sử dụng có khuôn dạng được quy định trước. Mỗi thông báo có chứa các thông tin điều khiển trong đó chỉ rõ đích cần truyền tới của thông báo. Căn cứ vào thông tin điều khiển này mà mỗi nút trung gian có thể chuyển thông báo tới nút kế tiếp trên con đường dẫn tới đích của thông báo

- Kỹ thuật chuyển mạch gói: ở đây mỗi thông báo được chia ra thành nhiều gói nhỏ hơn được gọi là các gói tin (packet) có khuôn dạng qui định trước. Mỗi gói tin cũng chứa các thông tin điều khiển, trong đó có địa chỉ nguồn (người gửi) và địa chỉ đích (người nhận) của gói tin. Các gói tin của cùng một thông báo có thể được gửi đi qua mạng tới đích theo nhiều con đường khác nhau.

*** Kiến trúc mạng**

Kiến trúc mạng máy tính (network architecture) thể hiện cách nối các máy tính với nhau và tập hợp các quy tắc, quy ước mà tất cả các thực thể tham gia truyền thông trên mạng phải tuân theo để đảm bảo cho mạng hoạt động tốt.

Khi nói đến kiến trúc của mạng người ta muốn nói tới hai vấn đề là hình trạng mạng (Network topology) và giao thức mạng (Network protocol)

- Network Topology: Cách kết nối các máy tính với nhau về mặt hình học mà ta gọi là tô pô của mạng

Các hình trạng mạng cơ bản đó là: hình sao, hình bus, hình vòng

- Network Protocol: Tập hợp các quy ước truyền thông giữa các thực thể truyền thông mà ta gọi là giao thức (hay nghi thức) của mạng

Các giao thức thường gặp nhất là : TCP/IP, NETBIOS, IPX/SPX, ...

*** Hệ điều hành mạng**

Hệ điều hành mạng là một phần mềm hệ thống có các chức năng sau:

- Quản lý tài nguyên của hệ thống, các tài nguyên này gồm:

+ Tài nguyên thông tin (về phương diện lưu trữ) hay nói một cách đơn giản là quản lý tệp. Các công việc về lưu trữ tệp, tìm kiếm, xoá, copy, nhóm, đặt các thuộc tính điều thuộc nhóm công việc này

+ Tài nguyên thiết bị. Điều phối việc sử dụng CPU, các ngoại vi... để tối ưu hoá việc sử dụng

- Quản lý người dùng và các công việc trên hệ thống. Hệ điều hành đảm bảo giao tiếp giữa người sử dụng, chương trình ứng dụng với thiết bị của hệ thống.

- Cung cấp các tiện ích cho việc khai thác hệ thống thuận lợi (ví dụ FORMAT

đĩa, sao chép tệp và thư mục, in ấn chung ...)

Các hệ điều hành mạng thông dụng nhất hiện nay là: WindowsNT, Windows9X, Windows 2000, Unix, Novell.

4. Các dịch vụ trên Internet

4.1. World Wide Web

World Wide Web (WWW hay Web) là một dịch vụ mới nhất và có hiệu quả nhất trên Internet. WWW với những đặc trưng của riêng nó cùng với tổ hợp các dịch vụ thông tin đã biến nó trở thành một dịch vụ rất hữu ích nhưng lại rất

đễ hiểu. Nếu khi chúng ta cần FTP thì client FTP sẽ cho phép chúng ta có thể truy nhập vào tài nguyên của FTP. Nếu chúng ta cần WAIS thì client WAIS sẽ cho phép chúng ta truy nhập vào WAIS server. Nếu là client Gopher thì có thể nối với Gopher server. Còn trình duyệt Web có thể cho phép chúng ta truy nhập vào tất cả các dịch vụ trên và còn hơn thế nữa. Tài liệu WWW được viết bằng ngôn ngữ HTML (HyperText Markup Language) hay còn gọi là ngôn ngữ siêu văn bản. Dưới dạng nguyên thủy nó giống như văn bản bình thường nhưng nó có thêm một số lệnh định dạng. HTML bao gồm nhiều cách liên kết với các tài nguyên FTP, Gopher server, WAIS server và Web server. Web server trao đổi các tài liệu HTML bằng giao thức HTTP (HyperText Transfer Protocol) hay gọi là giao thức truyền siêu văn bản. Với một cách định dạng đặc biệt bởi các lệnh của HTML, ta biết được có sự liên kết với siêu văn bản khác hay không bằng cách nhận biết qua việc gạch dưới một cụm từ. Khi đó người dùng chỉ việc kích chuột thì trình duyệt sẽ tự động chuyển tới kết nối đó. Nếu đó là một tài liệu HTML thì trình duyệt chỉ đơn giản là hiển thị văn bản đó. Nếu đó là một thư mục của một tài nguyên FTP thì trình duyệt sẽ liệt kê danh sách thư mục và thể hiện nội dung bằng một loạt các kết nối với tên sau khi các thư mục con và các tệp đã được liệt kê đầy đủ trên thư mục. Khi chúng ta kích vào tệp thì liên kết phục hồi thành tệp và hiện chúng nếu có thể hoặc truyền nó đến người sử dụng. Cũng như trên, theo các liên kết thì một Gopher Server hiển thị một thực đơn từ chính Gopher Server đó. Liên kết xác định thực đơn mức cao nhất hoặc bất cứ thực đơn nào trong hệ thống thực đơn bậc của Gopher. Mỗi một thư mục đơn hoạt động như một liên kết siêu văn bản dẫn tới thực đơn con.

Để sử dụng trình duyệt đồ họa, người dùng là các công ty hay các trường đại học phải kết nối IP vào Internet. Đối với người sử dụng tại nhà riêng thì cần kết nối SLIP hoặc PPP để sử dụng trình duyệt đồ họa. Với người dùng thông qua các máy kết nối Internet hoặc kết nối Internet đơn giản sẽ không được hỗ trợ trình duyệt Web đồ họa mà chỉ sử dụng trình duyệt dạng ký tự và do vậy, không thể có hình ảnh đồ họa đẹp. Việc dịch vụ WWW có thể cho phép kết nối các thông tin trên quy mô lớn, sử dụng đơn giản đã giúp nó trở thành một dịch vụ quan trọng trên Internet. Tài liệu HTML có khả năng cung cấp các nội dung có giá trị và các thông tin bổ ích, đơn giản. Chỉ cần một lần kích chuột là có thể truy nhập vào các Server thông tin ở bất cứ đâu.

4.2. E-mail

E-mail - viết tắt của Electronic Mail (thư điện tử) là một dịch vụ được triển khai trên các mạng máy tính cho phép người dùng có thể gửi thư cho nhau.

Ở đây “thư” là một tệp dạng text, hành động chuyển thư được thực hiện theo phương thức truyền gửi các tệp này trên các đường truyền dẫn của mạng. Trong nhiều trường hợp thư còn có từ đồng nghĩa là thông điệp (message), đúng ra thông điệp cần được hiểu là một thư ngắn không vượt quá một câu.

E-mail là dịch vụ cơ bản nhất và phổ thông nhất trên mạng, là nền tảng để xây dựng một văn phòng không giấy (paperless office).

***Các mô hình hoạt động của dịch vụ E mail:**

- Mô hình thông điệp trực tiếp: Theo mô hình này, các thông điệp được gửi trực tiếp, ngay lập tức tới các máy đang hoạt động trên một LAN.

- Mô hình hộp thư lưu: Là mô hình khách-chủ của dịch vụ thư điện tử, theo đó chương trình thực hiện dịch vụ này được viết thành hai phần chương trình chạy độc lập tương đối:

+Chương trình phía Client (khách) chạy trên các máy trạm làm việc của mạng và phần phía Server (chủ) chạy trên máy chủ của mạng. Người dùng soạn thảo thư, ấn định địa chỉ nhận và “ra lệnh” gửi thư thông qua chương trình client về máy chủ của mạng.

+ Chương trình Server đón nhận các thư gửi từ Client, lưu trữ vào các hộp thư lưu.

+Mỗi người dùng cũng nhận và đọc thư của mình bằng cách dùng chương trình phía client duyệt danh sách các thư gửi cho mình và đọc thư quan tâm.

+Chương trình Server cũng có thể phát tín hiệu báo có thư cho những người đang làm việc trên mạng.

- Mô hình Internet Mail: Là mô hình liên kết các hộp thư lưu trên Internet, mỗi hộp thư lưu cho một vùng. Nếu tất cả các liên kết đang được thực hiện, thư sẽ được chuyển đến hộp thư lưu đích trong vài giây, trường hợp ngược lại nó sẽ được chuyển bước qua từng hộp thư lưu và các đường liên kết đang thực hiện để đến đích cuối cùng.

Bài tập và sản phẩm thực hành

Kiến thức:

Câu 1: Hãy mở trình duyệt Internet Explore và truy cập vào trang web: mail.yahoo.com hay gmail.com.

Câu 2: Tạo một hộp mail yahoo hay Gmail cho mình, sau đó thực hiện theo các yêu cầu sau:

- Gửi mail cho chúng ta của mình
- Gửi mail cùng một lúc cho nhiều người
- Thực hiện gửi một attach file cho chính hộp mail của mình

Kỹ năng:

Bài tập ứng dụng: Hướng dẫn khai thác Web qua mail:

Dịch vụ Agora

Để lấy trang web qua mail từ dịch vụ Agora, ta thực hiện như sau:

+Gửi đến một trong các địa chỉ sau (Nhập địa chỉ vào vùng to)

Agora@dna.affrarc.go.jp

Agora@kamakura.mss.co.jp

Agora@www.eng.dmu.ac.uk

+ Trong phần nội dung thư đánh câu lệnh sau:

Send<địa chỉ trang web> hoặc resend<địa chỉ mail > <địa chỉ web>

Dịch vụ Getweb

Để lấy lấy về trang web qua mail từ dịch vụ Getweb, thực hiện như sau:

+ Gởi một trong các địa chỉ sau:

Getweb@usa.healthnet.org

Getweb@unganisha.idrc.ca

W3mai@gmd.de

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI HỌC SINH THỰC HIỆN BÀI TẬP ỨNG DỤNG

1. Bài tập ứng dụng phải thực hiện đúng trên máy tính giáo viên giao cho.
2. Kiểm tra các ứng dụng chạy trên máy tính và hướng dẫn sử dụng trước khi thực hiện lệnh.
3. Thực hiện đầy đủ các bước chuẩn bị khi thực hiện lệnh khai thác web qua mail .
4. sử dụng ứng dụng theo qui định và thao tác đúng các lệnh.
5. Tổng điểm và kết cấu điểm của các bài như sau:

Tổng số điểm tối đa cho bài: 100 điểm, kết cấu như sau:

a, Phần thực hành khi thực hiện : Tổng cộng 70 điểm

b, Phần chính xác và nhanh chóng : 30 điểm

- Thời gian thực hiện bài tập vượt quá 25% thời gian cho phép sẽ không được đánh giá.

- Thí sinh phải tuyệt đối tuân thủ các qui định an toàn lao động, các qui định của xưởng thực tập, nếu vi phạm sẽ bị đình chỉ thực tập

Đánh giá kết quả học tập

TT	Tiêu chí đánh giá	Cách thức và phương pháp đánh giá	Điểm tối đa	Kết quả thực hiện của người học
I	Kiến thức			
1	Các câu lệnh dùng để vào mail.	Vấn đáp, đối chiếu với nội dung bài học	1	
1.1	Liệt kê đầy đủ các mục trong mail		0,5	
1.2	Liệt kê đầy đủ các cú pháp lệnh trong mail		0,5	

2	Chức năng, nguyên lý làm việc của màn hình IE		2	
2.1	Nêu đầy đủ cấu tạo của màn hình IE	Làm bài tự luận, đối chiếu với nội dung bài học	0,5	
2.2	Trình bày công dụng và nguyên lý làm việc của các lệnh trong mail.		1	
2.3	Trình bày đúng cách thực hiện các lệnh.		0,5	
3	Phạm vi ứng dụng của IE,mail		2	
3.1	Nêu đúng thực chất của IE,mail	Làm bài tự luận, đối chiếu với nội dung bài học	1	
3.2	Trình bày đầy đủ đặc điểm của mail		0,5	
3.3	Nêu đúng phạm vi ứng dụng của các lệnh trong IE,mail		0,5	
4	Trình bày màn hình và cách thực hiện lệnh	Làm bài tự luận, đối chiếu với nội dung bài học	1,5	
5	Chọn chế độ làm việc và cách thực hiện lệnh hợp lý.		1,5	
5.1	Nêu cách chọn lệnh phù hợp	Làm bài tự luận và trắc nghiệm đối chiếu với nội dung bài học	0,5	
5.2	Trình bày đúng cách thực hiện lệnh.		0,5	
5.3	Trình bày cách chọn đường dẫn đến lệnh chính xác		0,5	
6	Trình bày đúng kỹ thuật thực hiện lệnh	Làm bài tự luận, đối chiếu với nội dung bài học	2	
Cộng:			10 đ	
II	Kỹ năng			
1	Nhận biết một số giao diện của IE	Quan sát hình ảnh, đối chiếu với nội dung bài	2	

		học để nhận biết		
2	Vận hành thành thạo một số lệnh trong IE.	Quan sát các thao tác, đối chiếu với quy trình vận hành	3	
3	Nhận biết và sử dụng các loại lệnh phụ trợ trong mail một cách thành thạo	Quan sát hình ảnh, ký hiệu các loại lệnh đối chiếu với nội dung bài học để nhận biết	2	
4	Phân biệt và phân loại các loại lệnh trong mail.	Quan sát các lệnh, đối chiếu với nội dung bài học để nhận biết	3	
Cộng:			10 đ	
III	Thái độ			
1	Tác phong công nghiệp khi vẽ	Theo dõi việc thực hiện, đối chiếu với nội quy của trường.	4	
1.1	Đi học đầy đủ, đúng giờ		1,5	
1.2	Không vi phạm nội quy lớp học		1,5	
1.3	Tính cẩn thận, tỉ mỉ	Quan sát việc thực hiện bài tập	1	
2	Đảm bảo thời gian thực hiện bài tập	Theo dõi thời gian thực hiện bài tập, đối chiếu với thời gian quy định.	2	
3	Đảm bảo an toàn thực hành và vệ sinh công nghiệp	Theo dõi việc thực hiện, đối chiếu với quy định về an toàn và vệ sinh công nghiệp	4	
3.1	Tuân thủ quy định về an toàn khi thực hiện lệnh trong mail		1,5	
3.2	Đầy đủ bảo hộ lao động(quần áo bảo hộ, giày, thẻ học sinh...)		1,5	
3.3	Vệ sinh phòng máy thực hành đúng quy định		1	

Cộng:	10 đ	
--------------	-------------	--

KẾT QUẢ HỌC TẬP

Tiêu chí đánh giá	Kết quả thực hiện	Hệ số	Kết quả học tập
<i>Kiến thức</i>		0,3	
<i>Kỹ năng</i>		0,4	
<i>Thái độ</i>		0,3	
Cộng:			

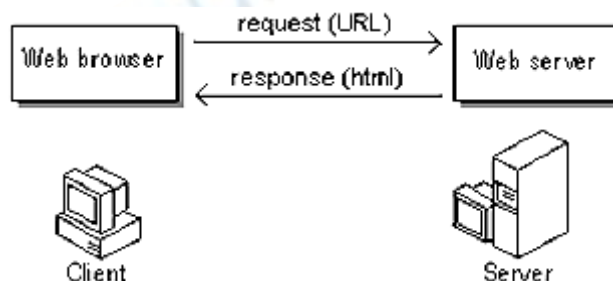
TaiLieu.vn

BÀI 2: DỊCH VỤ WORLD WIDE WEB –TRUY CẬP WEBSITE

Giới thiệu:

Đây là dịch vụ mới và phát triển mạnh trên Internet. Nó bao gồm nhiều chức năng, cộng thêm khả năng tích hợp được hầu hết các dịch vụ hiện có trên Internet. World Wide Web cho phép ta truy cập được Gopher, Wais, FTP, sử dụng Telnet, Finger.

Web hoạt động theo mô hình client/server. Các khách hàng gửi yêu cầu (request) về một tài liệu HTML (tức là khách hàng gửi URL của tài liệu) tới Web server, Web server dùng thông tin về URL được cung cấp để xác định trang Web và trả lời.



Trang Web được trả về cho khách hàng có thể là trang Web tĩnh nghĩa là nó được tạo ra và lưu trữ từ trước khi có yêu cầu (Web server chỉ đơn thuần lấy nó và trả về) hoặc là trang Web động nghĩa là nó được Web server tạo ra dựa trên yêu cầu và các thông tin cung cấp của khách hàng, có thể dựa trên sự hỗ trợ của các phần mềm ứng dụng nào đó.

Mỗi khi có yêu cầu từ phía khách hàng thì một kết nối (connection) giữa khách hàng chạy trình duyệt Web và Web server được thiết lập, sau khi Web server phục vụ xong yêu cầu thì kết nối đó được hủy đi. Như vậy mỗi kết nối giữa client và server chỉ được thiết lập trong quá trình trao đổi thông tin điều này làm giảm mật độ sử dụng đường truyền trên mạng.

Các tài liệu World Wide Web được viết bằng ngôn ngữ HTML, hay còn gọi là Hyper Text Markup Language. Nó cho phép ta mô tả các mối liên kết giữa các tài liệu với nhau và các mối liên kết tới các dịch vụ Internet khác. Web truyền các tài liệu HTML thông qua một giao thức gọi là HTTP (HyperText Transfer Protocol).

Các tài liệu HTML bao gồm khả năng liên kết tới rất nhiều dạng thông tin khác nhau như văn bản, hình ảnh, âm thanh v.v...